

Số: **222/2021/QĐST-HNGĐ**

Quận Hai Bà Trưng, ngày 16 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149; Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 417/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Nguyễn Thị Bích N**; sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- **Anh Đỗ Việt T**; sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số A phố L, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị ở tại số B phố L, phường D, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, quan điểm và lối sống sinh hoạt không hợp nhau nên dẫn đến cuộc sống luôn nảy sinh những bất đồng không thể hàn gắn được. Nay chị N và anh T cùng xác định mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng,

tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn.

Ngày 08/7/2021, Tòa án đã T hành hoà giải đoàn tụ nhưng chị N và anh T không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận với nhau về các nội dung: tài sản, vay nợ, nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc dân sự như được ghi nhận tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08/7/2021.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của chị N và anh T được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08/7/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T cùng xác nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T cùng xác nhận có hai con chung là cháu Đỗ Hải N, sinh ngày 09/10/2008 và cháu Đỗ N Bảo T, sinh ngày 16/9/2013. Hiện nay sức khỏe hai con chung bình thường và phát triển tốt. Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N; anh T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Đỗ Việt T thỏa thuận chị N là người chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011769 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đ
- (số 18, quyển số 01/2008);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thủy